

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TCKH
V/v Thực hiện Công văn số
2481/STC-QLNS của Sở Tài chính
tỉnh Hải Dương Hướng dẫn xây
dựng dự toán NSNN năm 2023, Kế
hoạch tài chính - NSNN 03 năm
2023-2025

Nam Sách, ngày tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Các đơn vị dự toán cấp huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- Chi cục Thuế Khu vực Nam Thanh;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025;

Thực hiện Công văn số 2481/STC-QLNS ngày 10/8/2022 của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023 - 2025,

UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị huyện; đơn vị dự toán cấp huyện; Chi cục Thuế Khu vực Nam Thanh; UBND các xã, thị trấn (*sau đây gọi tắt là các đơn vị*) căn cứ Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023 - 2025 của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương tại Công văn số 2481/STC-QLNS ngày 10/8/2022 (*gửi kèm*) tập trung triển khai thực hiện công tác xây dựng dự toán NSNN, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm lưu ý một số nội dung sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2022

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2022

Căn cứ kết quả phát triển kinh tế - xã hội và thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm đánh giá, phân tích những nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng, tác động đến kết quả thực hiện thu năm 2022, gồm:

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực và tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid-19; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các giải pháp để thực hiện Chương

trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2022; kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2022 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước số dư nợ thuế đến ngày 31/12/2022. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng và dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2022 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn kinh phí hoàn thuế (nếu có) để chi hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nộp thuế đầy đủ, kịp thời, chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật; công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; các kiến nghị (nếu có).

- Đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (ngoài hoàn thuế giá trị gia tăng) theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo các quy định và những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

- Đánh giá tình hình thu ngân sách từ xử lý tài sản công theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn; thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung; thu ngân sách từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, khai thác mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan).

- Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2022 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các

khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đánh giá các khoản thu hoa lợi công sản, thu khác tại xã;

- Kiến nghị các giải pháp điều hành thu, phần thực hiện cao nhất dự toán thu NSNN 2022 đã được HĐND cấp huyện thông qua.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

- Đánh giá tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh và bổ sung dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCCB) năm 2022 trong đó tập trung đánh giá việc phân bổ vốn các dự án, công trình trở về trước nhưng chưa bố trí đủ vốn; các công trình, dự án hoàn thành năm 2022, các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới, bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước (nếu có) và thanh toán khối lượng XDCCB thuộc nguồn NSNN.

- Đánh giá tình hình giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2022 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/01/2023, *(có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2021, kế hoạch vốn năm 2022 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2022, thuyết minh đính kèm)*. Đánh giá tình hình xử lý khối lượng đầu tư XDCCB nguồn NSNN và thu hồi vốn đối ứng đến ngày 31/12/2021; ước số xử lý trong năm 2022; dự kiến khối lượng XDCCB chưa thanh toán, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31/12/2022 (chi tiết từng dự án), đề xuất biện pháp về khối lượng XDCCB chưa thanh toán của các dự án nêu trên.

- Đánh giá tình hình sử dụng 10% nguồn thu tiền sử dụng đất cho công tác quy hoạch, đo vẽ bản đồ, quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kiểm kê đất đai khảo sát giá đất theo Nghị quyết của HĐND tỉnh (số tiền còn tồn đến hết 31/12/2021, số tiền trích 6 tháng đầu năm 2022, dự kiến trích cả năm 2022, dự kiến kinh phí sử dụng năm 2022).

- Đánh giá tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2022, dự kiến đến hết năm 2022; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo từng chương trình, dự án, từng lĩnh vực chi.

- Tình hình thực hiện xã hội hóa năm 2022: Đánh giá tình hình thực hiện xã hội hóa năm 2022 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

- Đánh giá những tồn tại, khó khăn khi triển khai các quy định của pháp luật về đầu tư công, bao gồm cả những kiến nghị về cơ sở pháp lý trong bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022

3.1. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2022 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, trong đó bên cạnh việc đánh giá các nhiệm vụ chi theo dự toán, tập trung làm rõ tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch COVID-19 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Chương trình hành động của UBND tỉnh, của ngành, địa phương.

3.3. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, và Nghị quyết Đại hội đảng bộ cấp mình nhiệm kỳ 2020-2025 và các đề án, kế hoạch, chương trình trọng điểm khác

3.4. Đánh giá kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục trong năm 2022, cụ thể:

- Đối với các chế độ chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ chế độ chính sách; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách chế độ không phù hợp với thực tế.

- Đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và bổ sung sửa đổi tại nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ; Tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 3/4/2018 ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP (chi tiết mục tiêu và kinh phí dành ra).

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện việc, sát nhập, đổi mới hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; tình hình thực hiện quy định tạm thời giá dịch vụ công sử dụng NSNN; lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; tác động đến NSNN (số tăng thu của đơn vị sự nghiệp và số giảm chi NSNN hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp - nếu có).

- Tình hình, kết quả thực hiện chính sách tinh giảm biên chế, đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy theo theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban chấp hành trung ương; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm

2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 9/3/2015 của chính phủ quy định chế độ chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ chức vụ chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, nêu rõ số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy.

- Đánh giá việc thực hiện các chính sách chế độ trong lĩnh vực an sinh xã hội: chính sách bảo trợ xã hội, chính sách với người cao tuổi, khuyết tật; chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú, chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; kinh phí phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; chính sách hỗ trợ đất trồng lúa...; Thực hiện đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ, xác định những nội dung chồng chéo, trùng lặp, đề kiến nghị lồng ghép hoặc bãi bỏ các chính sách, chế độ không phù hợp thực tế địa phương;

- Đánh giá tình hình thực hiện chi từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm, chi tiết theo nội dung chi; tính toán kinh phí hoạt động của các lực lượng chức năng thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính 6 tháng cuối năm đề nghị các cơ quan có thẩm quyền đảm bảo kinh phí theo qui định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.

- Đánh giá khả năng cân đối ngân sách địa phương so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương bao gồm: phần đầu tăng thu, tiết kiệm chi, cắt giảm chi, sử dụng các nguồn lực tài chính còn dư của địa phương.

- Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2022; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

- Tình hình thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022: kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSDP, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn huy động khác), số xã hoàn thành mục tiêu chương trình; Trong trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

- Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu

chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

II. Công tác xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2023

Các đơn vị khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện và huy động các nguồn lực tương ứng các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật và chú ý các nội dung sau:

1. Xây dựng dự toán thu NSNN

Thực hiện theo hướng dẫn của Cục thuế tỉnh và phải đảm bảo nguyên tắc: Việc xây dựng dự toán thu năm 2023 phải bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính thế giới và trong nước, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, về quản lý thu, chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất) phấn đấu tăng bình quân khoảng 7-9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 (*loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách*). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Trong xây dựng dự toán thu ngân sách cần chú ý:

- Lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn (*bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh, các dự án hết thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp*) để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để địa phương tự quy định giao chỉ tiêu phân đầu thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2023 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế.

- Về thu tiền sử dụng đất: Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ với cơ quan, đơn vị huyện có liên quan, chi cục thuế khu vực Nam Thanh trong công tác dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước), nâng cao chất lượng xây dựng dự toán, khắc phục tình trạng dự

báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai chưa sát với thực tế trong thời gian qua.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định: các đơn vị ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2022, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2023 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN).

- Đối với khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Đối với khoản thu hoa lợi công sản cấp xã cần rà soát lại diện tích đất công điền, xây dựng phương án thu, dự toán thu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng quy định.

2. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023

2.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển

Việc xây dựng toán chi đầu tư phát triển từ NSNN năm 2023 phải thực hiện theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư đồng thời bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Thực hiện đúng qui định của Luật đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật đầu tư công; Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSDP tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND; khả năng cân đối của NSDP trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Tập trung bố trí nguồn lực tài chính để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo đúng mục tiêu của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trong đó ưu tiên tập trung cho các xã đăng ký về đích nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Ưu tiên bố trí tối thiểu 10% nguồn thu tiền sử dụng đất (tính trên tổng số điều tiết ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) cho công tác quy hoạch, đẩy nhanh công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và Nghị quyết của Quốc hội, thống kê, kiểm kê đất đai, điều tra khảo sát thông kê giá đất và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác.

Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Dự toán chi thường xuyên NSNN

Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh, huyện và của từng địa phương; số kiểm tra dự toán thu chi ngân sách năm 2023; dự toán năm 2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 09/2021/NQ- HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2022 và giai đoạn 2023-2025; mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ là: 1.490.000 đồng/tháng và bao gồm các chính sách nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Cần xác định nhiệm vụ trọng tâm, xác định yếu tố tăng, giảm kinh phí năm 2023 so với năm 2022, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo đề án được phê duyệt, tiết giảm các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị..., tăng chi từ nguồn thu sự nghiệp công; dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển, cải cách tiền lương, thực hiện chuẩn nghèo, chi trợ cấp xã hội.

- Tiếp tục ưu tiên nguồn lực để thực hiện chính sách cải cách tiền lương; thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, nhà ở người có công với cách mạng.

- Dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Kết luận số 28-KL/TW; Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh Giao số lượng và bố trí cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh về chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức bồi dưỡng và khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giản biên chế nhanh hơn lộ trình để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Căn cứ vào dự kiến số tăng thu sự nghiệp (học phí) theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, dự toán giảm nhu cầu chi NSNN thường xuyên năm 2023 cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Báo cáo về lộ trình thực hiện tự chủ về

kinh phí, giảm chi từ ngân sách đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2023 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2022, trừ đi (-) số biên chế tinh giản trong năm 2023, cộng với (+) số bổ sung trong năm 2023), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có).

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/6/2022, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương đồng/tháng và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2023 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

+ Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

+ Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

+ Trường hợp không được cấp có thẩm quyền giao biên chế: để đảm bảo việc NSNN hỗ trợ kinh phí hoạt động theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ Tài chính, Công văn số 2380/UBND-VP ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2023 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2022, trừ đi (-) số biên chế tinh giản trong năm 2023, cộng với (+) số bổ sung trong năm 2023), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có).

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/6/2022, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ hiện hành.

- Chi các sự nghiệp: văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, quốc phòng, an ninh theo đúng chính sách, chế độ, định mức hiện hành;

- Chi sự nghiệp kinh tế (giao thông, nông nghiệp, thủy lợi phí, kiến thiết thị chính, môi trường) xây dựng theo chế độ, định mức hiện hành. Thực hiện phương thức cung cấp dịch vụ là giao nhiệm vụ, đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng NSNN: thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số: 2907/STC-TCDN ngày 10/10/2019 của Sở Tài chính hướng dẫn lập, giao dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và lập dự toán gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển trước ngày **20/8/2022** để thẩm định.

- Lập dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ đã giao thêm năm 2022 và tiếp tục thực hiện trong năm 2023, thuyết minh đầy đủ cơ sở xây dựng dự toán trên số ước thực hiện năm trước: Kinh phí thực hiện chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP, kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Kinh phí để thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, chế độ một số đối tượng BTXH trên địa bàn tỉnh; kinh phí hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục, hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 và Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương; kinh phí chi trả trợ cấp, mai táng phí cho thanh niên xung phong và các đối tượng khác; kinh phí các chương trình mục tiêu của tỉnh cân đối cho ngân sách huyện, xã, chương trình xây dựng nông thôn mới...

- Tổng hợp các ý kiến chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về tình hình thực hiện phát triển kinh tế xã hội đối với cấp huyện, cấp xã, thuyết minh mục tiêu, sự cần thiết, lý do thực hiện, văn bản đồng ý của cấp có thẩm quyền, công việc dự kiến, thời gian hoàn thành, kết thúc.

- Cơ chế tạo nguồn thực hiện nhiệm vụ cải cách tiền lương: Năm 2023 tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương ở các cấp ngân sách bao gồm

từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương); từ nguồn 40% nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; từ 40% chênh lệch thu, chi từ hoạt động dịch vụ (sau khi đã thực hiện các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định), từ nguồn 70% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) và nguồn cải cách tiền lương còn dư năm 2022 chuyển sang để thực hiện.

- Dự toán chi cân đối ngân sách cấp huyện và cấp xã được xây dựng trên cơ sở nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và nhiệm vụ chi. Thực hiện phân cấp theo quyết định của UBND tỉnh về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách năm 2022 thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 và các quy định khác (nếu có).

3. Quy định về mẫu biểu lập dự toán

Các đơn vị huyện lập dự toán ngân sách năm 2023 theo biểu mẫu từ số: 01 đến biểu mẫu số 09 thuộc Phụ lục 02 đính kèm;

UBND các xã, thị trấn lập dự toán ngân sách cấp xã năm 2023 theo biểu mẫu từ số: 01-DTX đến biểu mẫu số 11-DTX thuộc Phụ lục 03.

III. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025

1. Căn cứ, yêu cầu lập kế hoạch

Thực hiện quy định tại Luật NSNN; Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7/7/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính; Công văn số 1912/HD-STC của Sở Tài chính về việc hướng dẫn lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm; các chế độ, chính sách về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các chính sách về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội...; nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022-2025; các đơn vị thực hiện lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 theo quy định.

- Dự toán chi năm 2023-2025 xây dựng với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Sau khi cấp có thẩm quyền quyết định phương án thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Sở Tài chính sẽ thông báo, hướng dẫn sau.

2. Lập Kế hoạch thu

- Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2023-2025 căn cứ khả năng phát triển kinh tế cả nước và địa phương trong 2023-2025 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu; tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào

giá dịch vụ sự nghiệp công quy định của pháp luật.

Giai đoạn 2023-2025, phấn đấu tốc độ tăng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân chung cả nước khoảng 8-9%/năm (*Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương*)

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2023-2025 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phân phí, lệ phí nộp NSNN.

- Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu riêng theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3. Lập Kế hoạch chi

- Kế hoạch chi NSNN 03 năm giai đoạn 2023-2025 của các đơn vị được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm 2022-2024, số ước thực hiện năm 2022, trần chi ngân sách giai đoạn 2023-2025 do cơ quan có thẩm quyền thông báo; trong đó thuyết minh cụ thể các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách theo các chủ trương, phê duyệt của cấp có thẩm quyền; các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/ mới được phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 28-KL/TW và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023, các đơn vị đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của đơn vị mình năm dự toán 2023 theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2023-2025.

4. Về Mẫu biểu báo cáo

- Mẫu biểu báo cáo dự toán chi cân đối, chi thường xuyên 03 năm 2022-2024 của thực hiện theo các mẫu biểu từ số 10 đến biểu số 13 (*phụ lục số 04 đính kèm*) và gửi báo cáo cùng thời gian với báo cáo xây dựng dự toán NSNN năm 2023.

- Thực hiện báo cáo nhu cầu chi đầu tư công 03 năm 2023-2025 theo biểu số 14, 15, 16, 17 (*phụ lục số 04 đính kèm*) cùng thời gian với báo cáo xây dựng dự toán NSNN năm 2023.

IV. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình lập dự toán ngân sách năm 2023, các đơn vị chịu trách nhiệm trong việc chủ động, dự kiến đầy đủ nhu cầu chi thực hiện những chính sách chế độ, nhiệm vụ mới (nếu có) sẽ phát sinh trong năm 2023; trên cơ sở đó bố trí dự toán đảm bảo thực hiện những nhiệm vụ quan trọng được giao và cả những nhiệm vụ mới phát sinh; không để xảy ra tình trạng sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, bố trí thiếu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đã ban hành và các nhiệm vụ mới phát sinh.

Tổ chức xây dựng và tổng hợp dự toán ngân sách năm 2023 theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thi hành, báo cáo đầy đủ, nội dung, biểu mẫu theo quy định ở trên (toàn bộ nội dung của Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính, Công văn số 2481/STC-QLNS ngày 10/8/2022 và mẫu biểu được đăng tải trên website của UBND huyện Nam Sách tại địa chỉ: Namsach.haiduong.gov.vn).

Báo cáo gửi về UBND huyện (*qua Phòng Tài chính - Kế hoạch*) **trước ngày 20/8/2022** để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính tỉnh Hải Dương theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời về Phòng Tài chính - Kế hoạch để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Ngọc Lâm